

**KÝ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHU KINH TẾ DƯỚI GÓC ĐỘ
NGUYÊN TẮC “NGƯỜI GÂY Ô NHIỄM PHẢI TRẢ TIỀN”**

NGUYỄN SƠN HÀ*

Ngày nhận bài: 24/02/2026

Ngày phản biện: 15/3/2026

Ngày đăng bài: 25/6/2026

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế dưới góc độ nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” trong pháp luật Việt Nam. Thông qua phân tích quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, kết hợp tham chiếu các quan điểm học thuật và kinh nghiệm pháp luật trong và ngoài nước, bài viết chỉ ra những hạn chế về cách tiếp cận theo không gian khu kinh tế, xác định chủ thể chịu trách nhiệm tài chính và cơ chế bảo đảm tài chính để ứng phó với sự cố môi trường. Trên cơ sở đó, bài viết tiếp thu có chọn lọc các quan điểm học thuật và kinh nghiệm pháp luật trong và ngoài nước để đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật về ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” đối với rủi ro môi trường mang tính tổng hợp.

Từ khóa:

Ký quỹ bảo vệ môi trường, khu kinh tế, người gây ô nhiễm phải trả tiền, pháp luật môi trường.

Abstract:

This article examines the mechanism of environmental protection deposits in economic zones from the perspective of the “polluter pays” principle under Vietnamese law. Through an analysis of legal regulations and their practical application, combined with references to domestic and international academic viewpoints and legal experience, the article points out the limitations of the spatial approach within economic zones, identifies the entities responsible for financial obligations, and examines the mechanisms for ensuring financial capacity to respond to environmental incidents. Based on this analysis, the article proposes directions for improving the legal framework governing environmental protection deposits in economic zones by selectively drawing on domestic and international academic viewpoints and legal experience, thereby enhancing the implementation of the “polluter pays” principle in addressing comprehensive environmental risks.

Keywords:

Environmental deposit, economic zone, polluter pays, environmental law.

* TS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hans@hul.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Khu kinh tế là không gian phát triển tập trung, nơi diễn ra nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường và phát sinh chi phí khắc phục lớn khi xảy ra vi phạm hoặc sự cố. Mặc dù nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” (Tiếng Anh: *Polluter Pays Principle*, PPP) đã được ghi nhận trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nhằm nội bộ hóa chi phí môi trường vào chủ thể gây ô nhiễm, song hiệu lực thực thi của nguyên tắc này trong khu kinh tế còn hạn chế do thiếu cơ chế bảo đảm tài chính phù hợp. Trong bối cảnh đó, ký quỹ bảo vệ môi trường được xem là một công cụ pháp lý, tài chính quan trọng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khắc phục ô nhiễm, nhưng hiện nay vẫn chưa được thiết kế một cách đầy đủ và thống nhất đối với khu kinh tế. Vì vậy, việc nghiên cứu ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế dưới góc độ nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” là cần thiết nhằm làm rõ các khoảng trống pháp lý và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật.

2. Ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế với tư cách là cơ chế bảo đảm thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”

Nguyên tắc PPP được thừa nhận là một nguyên tắc nền tảng của chính sách và pháp luật môi trường hiện đại. Theo đó, chủ thể gây ô nhiễm có nghĩa vụ gánh chịu toàn bộ chi phí liên quan đến phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, nhằm tránh việc chuyển gánh nặng tài chính sang Nhà nước hoặc xã hội¹.

Trên phương diện học thuật, việc áp dụng ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế được xem là một cơ chế tài chính hữu hiệu để bảo đảm thực thi nguyên tắc này. Từ góc độ kinh tế học môi trường, ký quỹ là công cụ giúp nội bộ hóa chi phí môi trường vào quyết định sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Theo Thomas Helbling, dựa trên lý thuyết của Arthur Cecil Pigou (1920), chính phủ có thể sử dụng các công cụ như thuế để buộc các chủ thể gây ô nhiễm phải gánh chịu chi phí xã hội do hành vi của họ gây ra, nhằm khắc phục sự khác biệt giữa chi phí xã hội và chi phí tư nhân.² Dựa trên lý thuyết ngoại ứng này, ô nhiễm phát sinh khi các chi phí xã hội không được phản ánh đầy đủ trong chi phí tư nhân, dẫn đến tình trạng thị trường phân bổ nguồn lực không hiệu quả. Trong bối cảnh đó, cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường có thể được

¹ OECD (1975), *The Polluter-Pays Principle*, truy cập tại https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/1975/01/the-polluter-pays-principle_g1gh8f8f/9789264044845-en.pdf?utml, truy cập ngày 05/01/2026.

² Thomas Helbling, *Externalities: Prices Do Not Capture All Costs*, IMF Finance & Development, truy cập tại <https://www.imf.org/external/pubs/ft/fandd/basics/pdf/helbling-externalities.pdf>, truy cập ngày 25/3/2026, pp.1-2.

xem là một công cụ chính sách hiện đại nhằm nội hóa các chi phí ngoại ứng. Việc yêu cầu ký quỹ ngay từ giai đoạn triển khai dự án buộc doanh nghiệp phải dự phòng chi phí xử lý, phục hồi môi trường, qua đó hạn chế xu hướng chạy theo lợi ích ngắn hạn và xem nhẹ nghĩa vụ môi trường, đặc biệt trong các khu kinh tế có mật độ hoạt động công nghiệp cao.

Dưới góc độ chính sách môi trường, PPP không chỉ nhằm bảo đảm phân bổ chi phí công bằng mà còn hướng tới việc ngăn ngừa sử dụng ngân sách công để xử lý ô nhiễm do khu vực tư gây ra³. Theo định hướng của OECD, người gây ô nhiễm phải trực tiếp chịu trách nhiệm tài chính đối với các chi phí phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm do hoạt động của mình gây ra, đây là cơ sở để thiết kế các công cụ kinh tế nhằm nội hóa chi phí môi trường⁴. Trên cơ sở đó, ký quỹ bảo vệ môi trường là một công cụ kinh tế góp phần thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, tạo động lực để doanh nghiệp chủ động phòng ngừa ô nhiễm và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường⁵.

Tại Việt Nam, nguyên tắc PPP được thể chế hóa trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cụ thể, theo khoản 6 Điều 4 của Luật này, chủ thể gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả chi phí xử lý, khắc phục và bồi thường thiệt hại, qua đó thể hiện rõ trách nhiệm tài chính của người gây ô nhiễm đối với môi trường. Nội hàm của nguyên tắc này không chỉ giới hạn ở xử lý hậu quả mà còn bao trùm các chi phí phòng ngừa, ứng phó sự cố và phục hồi môi trường. Trong khu kinh tế, yêu cầu bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính này càng trở nên quan trọng do tính chất tập trung của các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nguy cơ ô nhiễm lan tỏa. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thiết lập cơ chế quản lý đa chủ thể, trong đó chủ đầu tư hạ tầng và Ban quản lý khu kinh tế cùng tham gia giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật môi trường⁶. Tuy nhiên, việc chỉ xác lập trách nhiệm pháp lý là chưa đủ nếu thiếu các công cụ bảo đảm thực thi hiệu quả.

Trong hệ thống đó, ký quỹ được ghi nhận như một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Theo Điều 330 Bộ luật Dân sự năm 2015, ký quỹ là việc gửi một khoản tiền

³ European Court of Auditors (2021), *Special Report: The Polluter Pays Principle: Inconsistent application across EU environmental policies and actions*, https://www.eca.europa.eu/lists/ecadocuments/sr21_12/sr_polluter_pays_principle_en.pdf? p.4, para.II, truy cập ngày 28/01/2026.

⁴ OECD (1992), *The polluter-pays principle - OECD Analyses and Recommendations*, [https://one.oecd.org/document/OCDE/GD\(92\)81/En/pdf](https://one.oecd.org/document/OCDE/GD(92)81/En/pdf), page 5, truy cập ngày 28/01/2026.

⁵ OECD (1992), *The polluter-pays principle - OECD Analyses and Recommendations*, [https://one.oecd.org/document/OCDE/GD\(92\)81/En/pdf](https://one.oecd.org/document/OCDE/GD(92)81/En/pdf), page 13, truy cập ngày 28/01/2026.

⁶ Khoản 3 Điều 50 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

hoặc tài sản vào tài khoản phong tỏa tại tổ chức tín dụng để bảo đảm nghĩa vụ. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã cụ thể hóa cơ chế này trong lĩnh vực môi trường, coi ký quỹ là công cụ bảo đảm trách nhiệm phục hồi môi trường và xử lý rủi ro ô nhiễm⁷. Đồng thời, Quỹ Bảo vệ môi trường được giao chức năng tiếp nhận và quản lý tiền ký quỹ nhằm bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn. Xét về bản chất pháp lý, ký quỹ bảo vệ môi trường không làm phát sinh nghĩa vụ môi trường mới, mà là cơ chế bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ môi trường đã được pháp luật xác lập. Trong trường hợp được áp dụng đối với khu kinh tế, cơ chế ký quỹ sẽ cho phép hình thành nguồn tài chính độc lập nhằm bảo đảm khả năng khắc phục, phục hồi môi trường khi cần thiết, đồng thời tạo cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp kịp thời trong trường hợp xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường.

3. Thực trạng pháp luật về ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế dưới góc độ “người gây ô nhiễm phải trả tiền”

3.1. Những ưu điểm của pháp luật hiện hành

Thứ nhất, pháp luật đã ghi nhận đầy đủ nguyên tắc PPP làm cơ sở phân bổ chi phí môi trường trong các không gian phát triển tập trung như khu kinh tế. Khoản 6 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 xác lập rõ trách nhiệm chi trả chi phí khắc phục, xử lý ô nhiễm, bồi thường thiệt hại và thực hiện các nghĩa vụ pháp lý khác thuộc về chủ thể gây ô nhiễm. Trong bối cảnh khu kinh tế, nơi tập trung nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm thì quy định này đóng vai trò nền tảng để xác định nguyên tắc phân bổ chi phí môi trường, bảo đảm rằng chi phí phát sinh không bị chuyển dịch sang Nhà nước hoặc cộng đồng.

Cách ghi nhận này cũng phù hợp với cách tiếp cận học thuật coi nguyên tắc PPP là quá trình “nội hóa” chi phí môi trường vào chủ thể gây ô nhiễm, qua đó buộc chủ thể phải tính toán và gánh chịu các chi phí xử lý, khắc phục, phục hồi như một bộ phận của chi phí hoạt động, thay vì để xã hội gánh thay⁸. Đồng thời, các nghiên cứu chính sách gần đây nhấn mạnh rằng nguyên tắc PPP được thiết kế nhằm bảo đảm cá nhân, pháp nhân gây ô nhiễm hoặc suy thoái môi trường phải trực tiếp gánh chịu các hệ quả tài chính và pháp lý phát sinh từ hoạt động của mình; qua đó hạn chế việc sử dụng ngân sách nhà nước để xử lý ô nhiễm và góp phần củng cố cơ chế trách nhiệm trong thực thi pháp luật bảo vệ môi trường tại các không gian phát triển tập trung như khu kinh tế⁹.

⁷ Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

⁸ Nguyễn Công Thành (2020), *Vận dụng nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền” trong quản lý môi trường ở Việt Nam*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, kỳ 1, tháng 5/2020, tr.19-21.

⁹ UNDP (2025), *Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến lĩnh vực môi trường*, truy cập tại https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2025-07/1-final_report_environmental_tort_study_30may25vn.pdf?, truy cập ngày 29/01/2026.

Thứ hai, ký quỹ bảo vệ môi trường đã được pháp luật ghi nhận như một công cụ kinh tế quan trọng nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ môi trường trong các hoạt động có rủi ro cao, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền. Theo Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), ký quỹ bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm phục hồi môi trường và xử lý rủi ro, nguy cơ ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của mình. Mặc dù nghĩa vụ ký quỹ hiện mới áp dụng đối với một số hoạt động nhất định, nhưng việc ghi nhận cơ chế này ở cấp luật đã tạo tiền đề pháp lý quan trọng cho việc xem xét mở rộng và áp dụng các cơ chế bảo đảm tài chính phù hợp đối với khu kinh tế trong tương lai.

Ở bình diện quốc tế, OECD ghi nhận các cơ chế bảo đảm tài chính như ký quỹ bảo vệ môi trường là công cụ quan trọng nhằm bảo đảm việc thực thi nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền và hạn chế việc chuyển giao chi phí khắc phục ô nhiễm sang Nhà nước¹⁰. Trong khuôn khổ pháp luật môi trường của Liên minh châu Âu, Ủy ban châu Âu cũng xem các cơ chế bảo đảm tài chính là yếu tố hỗ trợ cần thiết để bảo đảm trách nhiệm phục hồi môi trường đối với các hoạt động có rủi ro cao¹¹. Những quan điểm này cho thấy việc nghiên cứu mở rộng cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường đối với khu kinh tế không chỉ có cơ sở pháp lý trong nước mà còn phù hợp với xu hướng chung của pháp luật môi trường quốc tế.

Thứ ba, cơ chế quản lý, sử dụng và hoàn trả tiền ký quỹ từng bước được hoàn thiện theo hướng minh bạch và gắn với kiểm tra, giám sát hậu kiểm. Theo Thông tư số 57/2024/TT-BTC¹², tiền ký quỹ được quản lý tập trung, báo cáo định kỳ và chỉ được sử dụng để khắc phục ô nhiễm trong trường hợp bên ký quỹ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ môi trường; đồng thời được hoàn trả cả tiền gốc và tiền lãi sau khi nghĩa vụ được hoàn thành. Mặc dù quy định này chủ yếu áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản và chôn lấp chất thải, nhưng có thể xem là mô hình tham chiếu quan trọng cho việc hoàn thiện cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế.

Thứ tư, pháp luật đã thiết lập cơ chế chế tài tương đối nghiêm khắc đối với hành vi không thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường, qua đó tạo áp lực tuân thủ cần thiết đối với các chủ thể có hoạt động tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm. Theo Nghị định số

¹⁰ OECD (1975), *The Polluter-Pays Principle*, truy cập tại https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/1975/01/the-polluter-pays-principle_g1gh8f8f/9789264044845-en.pdf?, truy cập ngày 29/01/2026.

¹¹ European Commission (2010), *Report from the commission to the council, the European parliament, the European economic and social committee and the committee of the regions*, <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/HTML/?uri=CELEX%3A52010DC0581&utml>, truy cập ngày 29/01/2026.

¹² Thông tư số 57/2024/TT-BTC ngày 01/8/2024 hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động chôn lấp chất thải tại Quỹ Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

45/2022/NĐ-CP, hành vi không thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường có thể bị xử phạt hành chính lên đến ba lần số tiền phải ký quỹ¹³, kèm theo khả năng áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép môi trường hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn. Ở nhiều quốc gia, các nghiên cứu và thực tiễn lập pháp cho thấy nghĩa vụ ký quỹ hoặc bảo đảm tài chính chỉ thực sự có hiệu lực khi được gắn với hệ thống chế tài đủ sức răn đe đối với hành vi không tuân thủ. OECD nhấn mạnh rằng việc áp dụng mức phạt cao hơn chi phí tuân thủ, kết hợp với các biện pháp như đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép, là điều kiện quan trọng để ngăn chặn doanh nghiệp né tránh nghĩa vụ tài chính môi trường¹⁴. Tương tự, trong khuôn khổ Chỉ thị trách nhiệm môi trường của Liên minh châu Âu, các biện pháp đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép được coi là công cụ hỗ trợ cần thiết nhằm bảo đảm trách nhiệm phục hồi môi trường đối với các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm cao¹⁵. Từ các quan điểm và kinh nghiệm quốc tế có thể thấy, việc gắn nghĩa vụ ký quỹ bảo vệ môi trường với hệ thống chế tài đủ sức răn đe là điều kiện then chốt để bảo đảm hiệu lực của nguyên tắc PPP, qua đó buộc các chủ thể có nguy cơ gây ô nhiễm phải nội hóa chi phí môi trường ngay trong quá trình hoạt động. Trong bối cảnh đó, các quy định xử phạt nghiêm khắc của pháp luật Việt Nam đối với hành vi không thực hiện ký quỹ tạo cơ sở pháp lý quan trọng để tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật bảo vệ môi trường trong khu kinh tế.

Mặc dù pháp luật Việt Nam chưa xây dựng một chế định riêng về ký quỹ bảo vệ môi trường áp dụng cho khu kinh tế, hệ thống quy định hiện hành đã từng bước hình thành nền tảng pháp lý thông qua việc lồng ghép nghĩa vụ ký quỹ đối với các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Cách tiếp cận này góp phần hiện thực hóa nguyên tắc PPP và đặt cơ sở pháp lý ban đầu cho việc phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục rủi ro môi trường trong các khu vực phát triển tập trung, trong đó có khu kinh tế.

3.2. Những bất cập của pháp luật về ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế

Thứ nhất, cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường chưa phù hợp với không gian hoạt động khu kinh tế.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định nghĩa vụ ký quỹ bảo vệ môi trường theo hướng gắn với một số hoạt động cụ thể có nguy cơ gây ô nhiễm cao, được liệt kê

¹³ Điều 42 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

¹⁴ OECD (2018), *OECD Regulatory Enforcement and Inspections Toolkit*. OECD Publishing, truy cập tại https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2018/08/oecd-regulatory-enforcement-and-inspections-toolkit_g1g931ce/9789264303959-en.pdf, truy cập ngày 29/01/2026.

¹⁵ European Commission (2010), *Report from the commission to the council, the European parliament, the European economic and social committee and the committee of the regions*, truy cập tại <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/HTML/?uri=CELEX%3A52010DC0581&utml>, truy cập ngày 29/01/2026.

tại khoản 2 Điều 137, bao gồm khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải và nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài. Cách tiếp cận này tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật đối với từng dự án hoặc từng hành vi riêng lẻ, góp phần kiểm soát rủi ro môi trường đối với các hoạt động có nguy cơ cao đã được xác định.

Tuy nhiên, khi đặt trong bối cảnh khu kinh tế, cách tiếp cận dựa trên từng hoạt động riêng lẻ bộc lộ những hạn chế nhất định. Về bản chất, khu kinh tế là không gian phát triển tập trung, nơi nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được tổ chức, vận hành đồng thời trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng bảo vệ môi trường dùng chung¹⁶. Trong cấu trúc này, rủi ro môi trường thường hình thành từ tác động cộng gộp của nhiều nguồn thải, từ quá trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường tập trung hoặc từ các sự cố mang tính liên đới, chứ không nhất thiết gắn với một hoạt động đơn lẻ cụ thể¹⁷. Trong khi đó, cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường hiện hành lại được thiết kế theo hướng gắn nghĩa vụ tài chính với từng hoạt động riêng lẻ thuộc diện điều chỉnh¹⁸, dẫn đến sự không tương thích giữa không gian phát sinh rủi ro môi trường và cấp độ thiết kế của công cụ bảo đảm tài chính. Hệ quả là cơ chế ký quỹ chỉ phát huy tác dụng sau khi đã xác định được hoạt động cụ thể thuộc diện ký quỹ, trong khi rủi ro môi trường trong khu kinh tế đòi hỏi khả năng can thiệp tài chính chủ động và kịp thời ở quy mô toàn khu¹⁹. Do đó, việc pháp luật Việt Nam hiện nay chỉ quy định ký quỹ bảo vệ môi trường ở cấp độ hoạt động đã tạo ra khoảng trống trong bảo đảm tài chính đối với các rủi ro môi trường phát sinh từ không gian phát triển tập trung của khu kinh tế. Trong trường hợp xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường mà chưa thể xác định kịp thời chủ thể phải ký quỹ, cơ chế này không bảo đảm khả năng huy động nguồn lực tài chính kịp thời để khắc phục hậu quả, qua đó làm giảm hiệu quả thực thi thực chất của nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

¹⁶ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2017), *Báo cáo tổng kết hoạt động các mô hình khu công nghiệp, khu kinh tế*, truy cập tại <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2017/Bao-cao-tong-ket-hoat-dong-cac-mo-hinh-khu-cong-ng-436449.aspx>, truy cập ngày 30/01/2026.

¹⁷ Trần Đức Hạ (2021), *Các giải pháp thiết kế và vận hành để phòng ngừa, xử lý sự cố các công trình xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp*, Tạp chí Môi trường, số 2/2021, truy cập tại <https://tapchimoitruong.vn/dien-dan--trao-doi-21/cac-giai-phap-thiet-ke-va-van-hanh-de-phong-ngua-xu-ly-su-co-cac-cong-trinh-xu-ly-nuoc-thai-tap-trung-khu-cong-nghiep-23156?utml>, truy cập ngày 30/01/2026.

¹⁸ Luyện Thị Thùy Nhung (2021), *Pháp luật về ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản*, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 9, tháng 4 năm 2021, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/phap-luat-ve-ky-quy-bao-ve-moi-truong-trong-hoat-dong-khai-thac-khoang-san-81110.htm>, truy cập ngày 30/01/2026.

¹⁹ Nguyễn Thị Phương Châm, Nguyễn Minh Châu (2021), *Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường - từ góc nhìn lý thuyết đến luật thực định của Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 15 (439), tháng 8/2021, tr.43-51.

Thứ hai, khoảng trống về chủ thể chịu trách nhiệm tài chính trong khu kinh tế.

Khung pháp lý hiện hành về khu kinh tế, đặc biệt là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, đã xác định khá rõ các chủ thể tham gia vào quá trình hình thành và vận hành khu kinh tế. Theo đó, trong khu kinh tế tồn tại đồng thời nhiều chủ thể với vai trò và mức độ kiểm soát khác nhau đối với các nguồn gây ô nhiễm, bao gồm: chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu kinh tế, Ban quản lý khu kinh tế, và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong khu. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành chủ yếu phân định trách nhiệm của các chủ thể này theo hướng quản lý hành chính, tổ chức thực hiện và tuân thủ pháp luật, mà chưa thiết lập cơ chế phân bổ trách nhiệm tài chính tương ứng với rủi ro môi trường ở quy mô toàn khu²⁰. Điều 50 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định trách nhiệm về hạ tầng và giám sát môi trường của Ban quản lý khu kinh tế, song không đặt ra nghĩa vụ ký quỹ hay trách nhiệm tài chính dự phòng đối với các rủi ro môi trường lan tỏa. Nghị định số 35/2022/NĐ-CP cũng tập trung làm rõ thẩm quyền quản lý, cấp phép và điều phối hoạt động trong khu kinh tế, nhưng không xác định chủ thể nào phải đứng ra chịu trách nhiệm tài chính khi xảy ra sự cố môi trường vượt quá phạm vi của một dự án đơn lẻ.

Trong thực tiễn, khi xảy ra ô nhiễm mang tính tích lũy hoặc lan rộng trong khu kinh tế, việc xác định chủ thể trực tiếp gây ô nhiễm thường gặp khó khăn, đặc biệt khi nhiều doanh nghiệp cùng sử dụng hệ thống hạ tầng môi trường chung. Các nghiên cứu trong nước cho thấy cơ chế bồi thường thiệt hại môi trường còn vướng mắc trong việc chứng minh quan hệ nhân quả và phân định trách nhiệm giữa nhiều chủ thể, dẫn đến chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khắc phục hậu quả²¹.

Ở bình diện quốc tế, khó khăn này cũng được ghi nhận. Một số hệ thống pháp luật theo hướng quản trị rủi ro cho phép sử dụng nguồn tài chính dự phòng để xử lý kịp thời, sau đó mới xác định và truy thu trách nhiệm từ các chủ thể liên quan²². Cách tiếp cận này vừa bảo đảm xử lý nhanh rủi ro môi trường, vừa duy trì hiệu lực của nguyên tắc PPP.

²⁰ Linh Chi (2022), *Trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp trong khu công nghiệp*, truy cập tại <https://tapchixaydung.vn/trach-nhiem-bao-ve-moi-truong-cua-doanh-nghiep-trong-khu-cong-nghiep-20201224000010808.html>, truy cập ngày 30/01/2026.

²¹ Nguyễn Duy Phương, Nguyễn Duy Thanh (2024), *Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn ISN 2588-1213, Tập 133, Số 6A, 2024, tr.227-242, truy cập tại <https://jos.hueuni.edu.vn/index.php/hujos-ssh/article/view/7096/1959>, truy cập ngày 30/01/2026.

²² Larson, Lance N (2025), *Federal Environmental Remediation Under the Comprehensive Environmental Response, Compensation, and Liability Act (CERCLA), a.k.a. "the Superfund Law"*, truy cập tại <https://www.congress.gov/crs-product/R48630?utml>, truy cập ngày 30/01/2026.

Việc chưa xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm tài chính đối với ô nhiễm vượt quá phạm vi một dự án trong khu kinh tế không chỉ là hạn chế của pháp luật Việt Nam mà còn là vấn đề phổ biến trong thực tiễn quốc tế. Tuy nhiên, trong khi nhiều quốc gia đã khắc phục thông qua các cơ chế tài chính dự phòng hoặc quỹ chung, pháp luật Việt Nam vẫn thiếu thiết kế tương ứng, dẫn đến khó khăn trong huy động nguồn lực và làm giảm hiệu quả thực thi nguyên tắc PPP.

Thứ ba, hạn chế về cơ chế bảo đảm tài chính đối với sự cố môi trường trong khu kinh tế.

Theo khoản 1 Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, ký quỹ bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm trách nhiệm phục hồi môi trường và xử lý rủi ro ô nhiễm từ một số hoạt động nhất định. Tuy nhiên, quy định chi tiết tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP), đặc biệt tại khoản 7 Điều 37 về ký quỹ trong hoạt động khai thác khoáng sản, cho thấy tiền ký quỹ chủ yếu được hoàn trả khi đã hoàn thành nghĩa vụ hoặc được sử dụng để thực hiện thay cho chủ thể khi chủ thể đó không thực hiện nghĩa vụ. Điều này phản ánh cách tiếp cận của pháp luật hiện hành vẫn thiên về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ sau khi phát sinh thiệt hại, hơn là thiết lập cơ chế bảo đảm tài chính cho ứng phó tức thời với sự cố môi trường.

Cách thiết kế này chưa đáp ứng yêu cầu xử lý các sự cố môi trường phát sinh bất ngờ trong khu kinh tế. Nghiên cứu trong nước cũng chỉ ra rằng pháp luật hiện hành còn thiếu các cơ chế tài chính dự phòng, dẫn đến khó huy động kịp thời nguồn lực cho ứng phó ban đầu và vẫn phụ thuộc đáng kể vào ngân sách nhà nước, qua đó làm giảm hiệu quả thực thi các quy định về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường²³.

Trong khi đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) đặt ra các yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong khu kinh tế thông qua cơ chế quản lý tổng thể theo Điều 50, các nghĩa vụ cụ thể đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo Điều 51, và nghĩa vụ chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí khắc phục khi xảy ra sự cố theo Điều 128. Tuy nhiên, các quy định này chưa được gắn kết với một cơ chế bảo đảm tài chính tương ứng, đặc biệt trong trường hợp chưa thể xác định ngay chủ thể gây sự cố hoặc sự cố mang tính liên đới.

Có thể thấy, pháp luật hiện hành chưa quy định việc hình thành quỹ chung cấp khu kinh tế để ứng phó khẩn cấp với sự cố môi trường. Trong thực tiễn, hoạt động khắc phục ban đầu vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi việc truy thu

²³ Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2020), *Quy trình cụ thể, trách nhiệm rõ ràng và cơ chế phối hợp trong ứng phó từng loại sự cố môi trường*, truy cập tại <https://vupc.mae.gov.vn/linh-vuc-moi-truong/1172/quy-trinh-cu-the-trach-nhiem-ro-rang-va-co-che-phoi-hop-trong-ung-pho-tung-loai-su-co-moi-truong?utml>, truy cập ngày 30/01/2026.

theo nguyên tắc PPP còn chậm, cho thấy cơ chế bảo đảm tài chính chưa được hiện thực hóa đầy đủ và cần tiếp tục hoàn thiện.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế theo hướng đảm bảo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”

Thứ nhất, hoàn thiện cách tiếp cận về ký quỹ bảo vệ môi trường theo không gian hoạt động khu kinh tế.

Như đã phân tích ở phần thực trạng pháp luật, cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường hiện nay chủ yếu gắn với từng hoạt động hoặc dự án riêng lẻ, chưa phản ánh đầy đủ tính chất rủi ro môi trường mang tính không gian, cộng gộp và liên đới trong khu kinh tế. Do đó, khi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường từ tác động tổng hợp của nhiều nguồn, cơ chế ký quỹ riêng lẻ thường không bảo đảm nguồn lực tài chính đủ lớn và kịp thời để xử lý.

Từ thực tiễn đó, cần bổ sung cách tiếp cận ký quỹ theo không gian khu kinh tế, bên cạnh cơ chế theo từng hoạt động. Pháp luật có thể quy định thiết lập quỹ ký quỹ bảo vệ môi trường cấp khu nhằm tạo nguồn tài chính chung phục vụ xử lý rủi ro phát sinh từ hạ tầng môi trường dùng chung và tác động tích lũy của nhiều nguồn thải. Về kỹ thuật lập pháp, nội dung này có thể được bổ sung vào Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hoặc cụ thể hóa trong văn bản hướng dẫn trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của từng khu kinh tế.

Cách tiếp cận nêu trên cũng phù hợp với xu hướng lập pháp và thực thi pháp luật môi trường ở một số hệ thống pháp luật hiện đại. Trong cải cách quản trị rủi ro môi trường tại Trung Quốc, Nhà nước thúc đẩy việc áp dụng các công cụ bảo đảm tài chính theo cơ chế thị trường, trong đó nổi bật là chính sách bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường bắt buộc đối với nhóm doanh nghiệp và hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Công cụ này nhằm bảo đảm luôn có nguồn lực tài chính sẵn sàng khi xảy ra sự cố môi trường vượt quá khả năng xử lý thông thường của từng dự án riêng lẻ²⁴.

Ở cấp độ khu vực, Chỉ thị số 2004/35/EC của Liên minh châu Âu không chỉ xác lập trách nhiệm môi trường của từng chủ thể gây thiệt hại mà còn ghi nhận vai trò của các công cụ bảo đảm tài chính nhằm bảo đảm năng lực khắc phục, đồng thời cho phép áp dụng yêu cầu bảo đảm tài chính ở các mức độ khác nhau đối với các hoạt động có nguy cơ cao²⁵. Cách tiếp cận này phản ánh nhận thức rằng trong các không gian phát

²⁴ Yuerong Liang (2025), *The Legal Regulation of Compulsory Liability Insurance for Environmental Pollution in China*, Science of Law Journal - ISSN 2616-2296 Vol. 4 Num. 4, pp.63-67. https://www.clausiuspress.com/assets/default/article/2025/07/31/article_1753935128.pdf, truy cập ngày 29/01/2026.

²⁵ European Commission (2010), *Report from the commission to the council, the European parliament, the European economic and social committee and the committee of the regions*, truy cập tại <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/HTML/?uri=CELEX%3A52010DC0581&utml>, truy cập ngày 29/01/2026.

triển tập trung như khu kinh tế, rủi ro môi trường thường mang tính tích lũy và liên đới, khiến việc xác định ngay trách nhiệm của từng nguồn thải gặp khó khăn. Vì vậy, việc thiết kế cơ chế bảo đảm tài chính mang tính phòng ngừa, tổng thể và sẵn sàng can thiệp là cần thiết để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường và quản trị rủi ro.

Thứ hai, xác định chủ thể chịu trách nhiệm tài chính môi trường trong khu kinh tế.

Mặc dù Điều 50 và Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã quy định trách nhiệm quản lý của Ban quản lý khu kinh tế và nghĩa vụ của chủ đầu tư hạ tầng, nhưng vẫn chưa xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm tài chính trong trường hợp ô nhiễm vượt quá phạm vi một dự án, mang tính tích lũy hoặc liên đới giữa nhiều chủ thể.

Từ góc độ hoàn thiện pháp luật, có thể thiết lập cơ chế phân bổ trách nhiệm theo tầng nấc chủ thể. Theo đó, doanh nghiệp chịu trách nhiệm đối với thiệt hại trực tiếp do hoạt động của mình gây ra; đồng thời, chủ đầu tư hạ tầng khu kinh tế cần được xác định là chủ thể chịu trách nhiệm tài chính đối với các rủi ro gắn với việc đầu tư, vận hành hệ thống hạ tầng môi trường dùng chung. Cách tiếp cận này phù hợp với thực tiễn khi rủi ro môi trường không chỉ phát sinh từ từng cơ sở riêng lẻ mà còn từ hiệu quả vận hành của hạ tầng chung.

Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy sự cần thiết phải thiết lập cơ chế trách nhiệm tài chính ban đầu trong những trường hợp ô nhiễm không thể quy trách nhiệm ngay cho một chủ thể cụ thể. Đáng chú ý, trong hệ thống pháp luật Hoa Kỳ về trách nhiệm môi trường (CERCLA), bên cạnh cơ chế trách nhiệm nghiêm ngặt và liên đới của các chủ thể có liên quan, Nhà nước còn thiết lập Quỹ Superfund²⁶ nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính để xử lý kịp thời các điểm ô nhiễm trong trường hợp không xác định được hoặc không thể buộc các chủ thể gây ô nhiễm trực tiếp chi trả ngay chi phí khắc phục²⁷. Cơ chế này cho phép việc ứng phó và phục hồi môi trường được tiến hành trước, trong khi việc xác lập và truy thu trách nhiệm tài chính từ các chủ thể có liên quan được thực hiện sau đó thông qua các thủ tục pháp lý tương ứng.

Từ các gợi mở trên, có thể thấy rằng đối với những trường hợp ô nhiễm môi trường trong khu kinh tế mang tính liên đới, tích lũy hoặc chưa thể xác định ngay chủ thể trực tiếp gây ô nhiễm, pháp luật Việt Nam có thể tham khảo cách tiếp cận xác lập trách nhiệm tài chính ban đầu thông qua chủ đầu tư hạ tầng hoặc thông qua một cơ chế

²⁶ Quỹ Superfund là chương trình liên bang của Hoa Kỳ được thiết lập theo CERCLA (1980) nhằm tài trợ cho việc điều tra và xử lý các khu vực bị ô nhiễm chất thải nguy hại. Chương trình ưu tiên buộc người gây ô nhiễm chi trả, nhưng trong trường hợp không xác định được hoặc không có khả năng thanh toán, Nhà nước sẽ sử dụng quỹ để khắc phục trước và sau đó tìm cách thu hồi chi phí.

²⁷ Cornell Law School (2023), *Comprehensive Environmental Response, Compensation and Liability Act (CERCLA)*, truy cập tại https://www.law.cornell.edu/wex/comprehensive_environmental_response_compensation_and_liability_act_%28cercla%29?utml, truy cập ngày 30/01/2026.

tài chính dự phòng của khu kinh tế. Cách tiếp cận này không làm suy giảm nguyên tắc PPP, mà ngược lại, góp phần nâng cao tính khả thi trong thực thi nguyên tắc này trong bối cảnh rủi ro môi trường mang tính tổng hợp, đồng thời bảo đảm yêu cầu xử lý kịp thời và hiệu quả các sự cố môi trường trên thực tế.

Thứ ba, bổ sung cơ chế bảo đảm tài chính dự phòng đối với sự cố môi trường trong khu kinh tế.

Cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường hiện hành chủ yếu được áp dụng trong trường hợp đã xác định rõ trách nhiệm của chủ thể gây ô nhiễm, trong khi pháp luật chưa thiết lập một nguồn tài chính dự phòng để xử lý kịp thời các sự cố môi trường có thể phát sinh bất ngờ trong quá trình vận hành khu kinh tế. Do đó, trên thực tế, hoạt động ứng phó và khắc phục ban đầu thường phải dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi việc truy thu chi phí theo trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan diễn ra chậm và gặp nhiều khó khăn²⁸.

Từ góc độ tham khảo các nghiên cứu học thuật quốc tế, một số tác giả nhấn mạnh rằng việc chỉ dựa vào cơ chế trách nhiệm và bồi thường sau sự cố thường không bảo đảm được yêu cầu “chi trả kịp thời” cho ứng phó khẩn cấp, nhất là trong bối cảnh có thể chưa xác định ngay chủ thể gây ra sự cố hoặc tồn tại rủi ro mất khả năng thanh toán. Theo đó, R. Mwanza cho rằng các quỹ bồi hoàn, khắc phục được hình thành trên cơ sở đóng góp theo mức độ rủi ro của các chủ thể có khả năng gây ô nhiễm có thể vận hành như một cơ chế chi trả trước nhằm xử lý kịp thời các thiệt hại môi trường. Đồng thời, cơ chế này không loại trừ khả năng truy hoàn, truy thu chi phí từ chủ thể chịu trách nhiệm khi được xác định, qua đó vẫn bảo đảm thực chất nguyên tắc PPP trong phân bổ chi phí môi trường²⁹. Bên cạnh đó, John Wren, thông qua phân tích các mô hình quỹ bồi thường trong thực tiễn quốc tế về ô nhiễm dầu theo các Công ước CLC³⁰, Công ước Fund³¹, cho thấy cơ chế quỹ bồi thường, ứng phó mang tính tập thể được

²⁸ Vũ Ngọc Hà (2022), *Thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật - Bộ Tư pháp, tháng 12/2022, truy cập tại <https://tcdclpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=507&utml>, truy cập ngày 29/01/2026.

²⁹ Rosemary Mwanza (2021), *Compensation Funds as a Remedial Mechanism for Victims of Corporate Pollution in Kenya: A Feasibility Study*, Journal of Environmental Law, Volume 33, Issue 3, November 2021, pp.557-584, <https://doi.org/10.1093/jel/eqab017>, truy cập ngày 29/01/2026.

³⁰ Công ước CLC 1969 (sửa đổi năm 1992) là Hiệp ước quốc tế do Tổ chức Hàng hải Quốc tế quản lý, nhằm bảo đảm bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu từ các tai nạn liên quan đến tàu chở dầu. Công ước quy định trách nhiệm dân sự của chủ tàu và thiết lập cơ chế bảo đảm khả năng chi trả thông qua bảo hiểm bắt buộc.

³¹ Công ước FUND 1992 là hiệp ước quốc tế do Tổ chức Hàng hải Quốc tế quản lý, được thiết lập nhằm bổ sung cho Công ước CLC trong cơ chế bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu. Theo đó, Quỹ có trách nhiệm chi trả cho nạn nhân khi mức bồi thường từ chủ tàu không đủ, không xác định được chủ tàu hoặc chủ tàu không có khả năng thanh toán. Đồng thời, Quỹ cũng có thể bồi hoàn cho chủ tàu hoặc công ty bảo hiểm trong một số trường hợp nhất định.

thiết kế nhằm khắc phục tình trạng thiếu hụt hoặc chậm trễ nguồn tài chính khi xảy ra sự cố môi trường. Theo mô hình này, các chủ thể hoạt động trong ngành có liên quan đóng góp tài chính theo cơ chế thu bắt buộc để hình thành nguồn quỹ sẵn có, phục vụ việc chi trả nhanh cho hoạt động ứng phó và khắc phục ban đầu, đồng thời thể hiện nguyên tắc PPP theo nghĩa tập thể³².

Ở cấp độ pháp luật khu vực, các nghiên cứu liên quan đến việc thực thi Chỉ thị Trách nhiệm Môi trường của Liên minh châu Âu (ELD), tiêu biểu là quan điểm của H. Bocken, cũng cho thấy bảo hiểm trách nhiệm môi trường không thể là công cụ duy nhất để bảo đảm nghĩa vụ tài chính trong trường hợp xảy ra thiệt hại môi trường³³. Theo đó, các quốc gia thành viên EU được khuyến khích phát triển hệ thống bảo đảm tài chính đa dạng, bao gồm bảo lãnh ngân hàng, các cơ chế bảo đảm thay thế hoặc quỹ/nhóm bảo đảm chung, nhằm bảo đảm khả năng chi trả kịp thời cho hoạt động phòng ngừa và khắc phục, kể cả khi chưa xác định ngay được chủ thể chịu trách nhiệm³⁴. Cách tiếp cận này thể hiện sự dịch chuyển từ mô hình xử lý hậu quả sang chủ động quản lý rủi ro môi trường và góp phần hiện thực hóa hiệu quả nguyên tắc PPP.

Trên cơ sở đó, cần thiết lập cơ chế bảo đảm tài chính dự phòng cấp khu kinh tế dưới hình thức quỹ hoặc tài khoản ứng phó môi trường do Ban quản lý khu kinh tế quản lý và chịu sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Nguồn quỹ được hình thành từ đóng góp bắt buộc của chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp trong khu, xác định theo mức độ rủi ro và quy mô hoạt động. Nguồn tài chính này chỉ sử dụng cho ứng phó khẩn cấp và khắc phục ban đầu sự cố môi trường, không thay thế nghĩa vụ bồi thường của chủ thể gây ô nhiễm. Sau khi xác định được trách nhiệm, chi phí đã sử dụng phải được truy thu đầy đủ theo nguyên tắc PPP.

Có thể thấy, việc bổ sung cơ chế bảo đảm tài chính dự phòng đối với sự cố môi trường trong khu kinh tế không chỉ góp phần hoàn thiện cơ chế ký quỹ bảo vệ môi trường hiện hành, mà còn tăng cường năng lực ứng phó kịp thời đối với rủi ro môi trường, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và bảo đảm thực thi hiệu quả nguyên tắc PPP trong thực tiễn.

³² John Wren (2000), *Overview of the Compensation and Liability Regimes Under the International Oil Pollution Compensation Fund (IOPC)*. Spill Science & Technology Bulletin - Volume 6, Issue 1, 1 February 2000, pp.45-58, [https://doi.org/10.1016/S1353-2561\(00\)00067-0](https://doi.org/10.1016/S1353-2561(00)00067-0), truy cập ngày 29/01/2026.

³³ Hubert Bocken (2006), *Financial Guarantees in the Environmental Liability Directive: Next Time Better*, European Energy and Environmental Law Review 15(1):13-32, <https://doi.org/10.54648/eelr2006002>, truy cập ngày 29/01/2026.

³⁴ IMPEL (2018), *Financial Provisions for Environmental Liability*, truy cập tại <https://www.impel.eu/contents/libraryfile/FR-2017-22-Financial-Provisions-for-Environmental-Liability-A-Practical-Guide-updated-November-2018.pdf>, truy cập ngày 29/01/2026.

4. Kết luận

Việc hoàn thiện pháp luật về ký quỹ bảo vệ môi trường trong khu kinh tế dưới góc độ nguyên tắc PPP là yêu cầu tất yếu trước xu hướng rủi ro môi trường ngày càng lan tỏa và tích lũy trong các không gian phát triển tập trung. Thực tiễn thi hành cho thấy cơ chế ký quỹ hiện hành vẫn chủ yếu được thiết kế theo từng hoạt động riêng lẻ, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường tổng hợp theo không gian hoạt động khu kinh tế, làm hạn chế hiệu lực thực thi nguyên tắc này. Vì vậy, pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng tiếp cận hệ thống, gắn ký quỹ với quy mô và đặc thù vận hành của khu kinh tế, đồng thời làm rõ trách nhiệm tài chính của các chủ thể liên quan. Qua đó, nguyên tắc PPP mới có thể được hiện thực hóa một cách thực chất, hiệu quả và bền vững trong khu kinh tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2017), “*Báo cáo tổng kết hoạt động các mô hình khu công nghiệp, khu kinh tế*”, <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2017/Bao-cao-tong-ket-hoat-dong-cac-mo-hinh-khu-cong-ng-436449.aspx>, truy cập ngày 30/01/2026.
2. Nguyễn Thị Phương Châu, Nguyễn Minh Châu (2021), *Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường - từ góc nhìn lý thuyết đến luật thực định của Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 15 (439), tháng 8/2021.
3. Vũ Ngọc Hà (2022), *Thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật - Bộ Tư pháp, tháng 12/2022, truy cập tại <https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thi-hanh-phap-luat.aspx?ItemID=507&utml>, ngày cập 29/01/2026.
4. Luyện Thị Thùy Nhung (2021), *Pháp luật về ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản*, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 9, tháng 4/2021, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/phap-luat-ve-ky-quy-bao-ve-moi-truong-trong-hoat-dong-khai-thac-khoang-san-81110.htm>, truy cập ngày 30/01/2026.
5. Nguyễn Duy Phương, Nguyễn Duy Thanh (2024), *Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, ISSN 2588-1213, Tập 133, Số 6A, 2024, truy cập tại <https://jos.hueuni.edu.vn/index.php/hujos-ssh/article/view/7096/1959>, truy cập ngày 30/01/2026.
6. Nguyễn Công Thành (2020), *Vận dụng nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền” trong quản lý môi trường ở Việt Nam*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, Kỳ 1, tháng 5/2020.

7. OECD (1975), “*The Polluter-Pays Principle*”, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/1975/01/the-polluter-pays-principle_g1gh8f8f/9789264044845-en.pdf?utml, truy cập ngày 05/01/2026.

8. OECD (1992), “*The polluter-pays principle - OECD Analyses and Recommendations*”, [https://one.oecd.org/document/OCDE/GD\(92\)81/En/pdf](https://one.oecd.org/document/OCDE/GD(92)81/En/pdf), truy cập ngày 28/01/2026.

9. OECD (2018), “*OECD Regulatory Enforcement and Inspections Toolkit*”. OECD Publishing, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2018/08/oecd-regulatory-enforcement-and-inspections-toolkit_g1g931ce/9789264303959-en.pdf?, truy cập ngày 25/3/2026.

10. Cornell Law School (2023), “*Comprehensive Environmental Response, Compensation and Liability Act (CERCLA)*”, https://www.law.cornell.edu/wex/comprehensive_environmental_response_compensation_and_liability_act_%28cercla%29?utml, truy cập ngày 30/01/2026.

11. European Court of Auditors (2021), “*Special Report: The Polluter Pays Principle: Inconsistent application across EU environmental policies and actions*”, https://www.eca.europa.eu/lists/ecadocuments/sr21_12/sr_polluter_pays_principle_en.pdf?, truy cập ngày 28/01/2026.

12. European Commission (2021), “*Green taxation and other economic instruments*”, https://ieep.eu/wp-content/uploads/2022/12/Green-taxation-and-other-economic-instruments-%E2%80%93-Internalising-environmental-costs-to-make-the-polluter-pay_Annexes_10.11.2021.pdf, truy cập ngày 28/01/2026.

13. IMPEL (2018), “*Financial Provisions for Environmental Liability*”, <https://www.impel.eu/contents/libraryfile/FR-2017-22-Financial-Provisions-for-Environmental-Liability-A-Practical-Guide-updated-November-2018.pdf?>, truy cập ngày 29/01/2026.

14. Larson, Lance N (2025), “*Federal Environmental Remediation Under the Comprehensive Environmental Response, Compensation, and Liability Act (CERCLA), a.k.a. “the Superfund Law”*”, <https://www.congress.gov/crs-product/R48630?utml>, truy cập ngày 30/01/2026.

15. Hubert Bocken (2006), “*Financial Guarantees in the Environmental Liability Directive: Next Time Better*”, *European Energy and Environmental Law Review* 15(1):13-32, truy cập tại <https://doi.org/10.54648/eelr2006002>, truy cập ngày 29/01/2026.

16. Yuerong Liang (2025), *The Legal Regulation of Compulsory Liability Insurance for Environmental Pollution in China*, *Science of Law Journal* - ISSN 2616-2296

Vol. 4 Num. 4, truy cập tại https://www.clausiuspress.com/assets/default/article/2025/07/31/article_1753935128.pdf, truy cập ngày 29/01/2026.

17. Rosemary Mwanza (2021), *Compensation Funds as a Remedial Mechanism for Victims of Corporate Pollution in Kenya: A Feasibility Study*, Journal of Environmental Law, Volume 33, Issue 3, November 2021, Pages 557-584, <https://doi.org/10.1093/jel/eqab017>, truy cập ngày 29/01/2026.

18. John Wren (2000), *Overview of the Compensation and Liability Regimes Under the International Oil Pollution Compensation Fund (IOPC)*. Spill Science & Technology Bulletin - Volume 6, Issue 1, 1 February 2000, truy cập tại [https://doi.org/10.1016/S1353-2561\(00\)00067-0](https://doi.org/10.1016/S1353-2561(00)00067-0), truy cập ngày 29/01/2026.